

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/DS-ST

Ngày: 29/12/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Tông

2. Ông Đỗ Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên toà số: 50/2022/QĐST-DS ngày 16/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1954;

Địa chỉ: ấp Ph, xã L, huyện C, tỉnh Đ.

Bị đơn: 1/ Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1966;

2/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Ch: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: ấp Ph, xã L, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:

Vào năm 2018 bàB có cho vợ chồng ông Ch, bà Đ mượn số tiền 64.000.000 đồng, không tính lãi, thời gian mượn 3- 4 tháng phải trả lại cho bàB nhưng khi đến hạn thì bà Đ và ông Ch không trả.

Đến ngày 14/9/2019 thì vợ chồng bà Đ, ông Ch đề nghị bàB cho mượn thêm 21 chỉ vàng 24k, bàB đồng ý nên tại thời điểm này bàB quy đổi số tiền 64.000.000

đồng mà vợ chồng ông Ch, bà Đ mượn vào năm 2018 chưa trả thành 20 chỉ vàng 24k cộng với 21 chỉ vàng 24k mới mượn thành 41 chỉ vàng 24k và đề nghị bà Đ và ông Ch viết “Tờ giấy tay làm bằng” là có vay của bàB 41 chỉ vàng. Bà Đ và ông Ch đồng ý nên ký tên vào Tờ giấy tay và hứa đến tháng 01 năm 2020 sẽ trả cho bàB 41 chỉ vàng 24k. Quá trình vay mượn bà Đ và ông Ch có trả cho bàB 08 chỉ vàng 24k, còn lại 33 chỉ vàng 24k đến nay chưa trả vốn, cũng không trả lãi.

Nay bà Lê Thị B yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn Ch liên đới trả cho bàB 33 chỉ vàng 24k và yêu cầu trả lãi suất 0,83%/tháng tính lãi từ khi viết giấy nợ ngày 01/01/2020 (âl) đến ngày 01/10/2022 (âl): $33 \text{ chỉ vàng } 24k \times 34 \text{ tháng} \times 0,83\% / \text{tháng} = 9,3 \text{ chỉ vàng } 24k$, cộng chung vốn và lãi là 42,3 chỉ vàng 24k.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ (bà Đ cũng đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn Ch) trình bày:

Vào năm 2018 vợ chồng bà Đ, ông Ch có thuê đất 14 công đất để trồng khoai, do thiếu vốn đầu tư nên bà Lê Thị B có thỏa thuận với ông Ch là bàB sẽ đầu tư tiền, ông Ch xuất công làm, khi thu hoạch thì trừ tiền đầu tư, phần tiền lãi sẽ chia hai. Sau khi thỏa thuận bàB có đưa cho ông Ch 40.000.000 đồng để mua phân thuốc. Đến tháng 7 năm 2018 khi đến ngày thu hoạch thì khoai bị úng do nước ngập nên đợt khoai này bị lỗ. Sau đó vợ chồng bà trồng lại đợt khoai thứ hai, do không có tiền đầu tư nên vợ chồng bà có thỏa thuận với bàB đưa thêm tiền để làm đợt khoai mới, khi thu hoạch sẽ trả lại cho bàB. BàB đồng ý đưa thêm cho vợ chồng bà 21 chỉ vàng 24k và quy đổi số tiền 40.000.000 đồng cộng với tiền lời thành 20 chỉ vàng 24k nên yêu cầu vợ chồng bà ký vào giấy tay làm bằng là có mượn của bàB 41 chỉ vàng 24k. Đến năm 2021 vợ chồng bà có trả cho bàB được 08 chỉ vàng 24k nên hiện tại vợ chồng bà chỉ còn nợ lại bàB số vàng là 13 chỉ vàng 24k và 40.000.000 đồng.

Tại phiên toà;

Bà Nguyễn Thị Đ đồng ý với yêu cầu của bà Lê Thị B. Vợ chồng bà Đ, ông Ch đồng ý liên đới trả cho bàB 33 chỉ vàng 24k, không đồng ý trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

** Việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Nội dung giải quyết vụ án:*

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ỦyBn Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B. Buộc ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Đ liên đới trả cho bà Lê Thị B 33 chỉ vàng 24k.
- Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị B.
- Về án phí: Bà Lê Thị B là người cao tuổi nên miễn án phí cho bàB. Ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu của bàB được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị B yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn Ch liên đới trả cho bàB 33 chỉ vàng 24k và 9,3 chỉ vàng 24k lãi, tổng cộng 42,3 chỉ vàng 24k. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp được Tòa án xem xét giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn thường trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu của bà Lê Thị B yêu cầu ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Đ liên đới trả cho bàB 33 chỉ vàng 24k vốn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo bà Lê Thị B trình bày, vào năm 2018 bàB có đưa cho vợ chồng ông Ch, bà Đ mượn 64.000.000 đồng để làm vốn trồng khoai. Đến năm 2019 đưa tiếp 21 chỉ vàng 24k, do vợ chồng ông Ch chưa trả số tiền 64.000.000 đồng nên bàB quy đổi 64.000.000 đồng thành 20 chỉ vàng 24k và yêu cầu vợ chồng ông Ch, bà Đ ký vào Giấy tay làm bằng là có mượn của bàB tổng cộng là 41 chỉ vàng 24k. Phía ông Ch, bà Đ đồng ý nên đã ký vào Giấy tay làm bằng. Sau đó vợ chồng bà Đ, ông Ch có trả cho bàB 08 chỉ vàng 24k, còn lại 33 chỉ vàng 24k đến nay chưa trả.

Bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận vợ chồng bà có ký tên vào Giấy tay làm bằng do bàB viết nhưng thực tế vợ chồng bà chỉ nhận của bàB số tiền 40.000.000 đồng và 21 chỉ vàng 24k, đến năm 2021 đã trả được 08 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, do vợ chồng bà đã đồng ý ký tên vào giấy xác nhận nợ là có mượn của bàB 41 chỉ vàng 24k nên vợ chồng bà đồng ý trả bà Lê Thị B 33 chỉ vàng 24k.

Xét thấy, việc bà Lê Thị B đưa tiền và vàng cho vợ chồng bà Đ, ông Ch đầu tư trồng khoai là có thật. Phía ông Ch, bà Đ cũng thừa nhận có ký tên vào “Giấy tay làm bằng” do bàB viết vào năm 2019. Tại biên bản hoà giải ngày 06/7/2022 của Tổ hoà giải ấp Phú Hoà, xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp thì ông Nguyễn Văn Ch cũng thừa nhận có mượn của bà Lê Thị B là 41 chỉ vàng 24k. Tuy việc quy đổi từ số tiền thành số vàng không có lập thành văn bản nhưng phía bà Đ và ông Ch đã thừa nhận và bà Đ, ông Ch cũng có trả cho bàB được 08 chỉ vàng 24k. Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị Đ (bà Đ cũng là người đại diện cho ông Ch) đồng ý trả cho bàB 33 chỉ vàng 24k là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị B.

[2.2]. Xét yêu cầu của bà Lê Thị B yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Đ trả lãi đối với số vàng 33 chỉ vàng 24k theo lãi mức suất 0,83%/tháng, tính lãi từ khi viết giấy nợ ngày 01/01/2020 (âl) đến ngày 01/10/2022 (âl): $33 \text{ chỉ vàng } 24k \times 34 \text{ tháng} \times 0,83\% / \text{tháng} = 9,3 \text{ chỉ vàng } 24k$, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo nội dung giấy tay xác nhận nợ thể hiện vợ chồng bà Đ, ông Ch có mượn của bàB số vàng 41 chỉ, không thoả thuận về phương thức tính lãi suất. Hiện nay Ngân hàng Nhà nước không quy định về lãi suất cho vay vàng, Bộ luật dân sự năm 2015 cũng không quy định nên việc bàB yêu cầu bà Đ, ông Ch trả lãi đối với số vàng 33 chỉ vàng 24k đã mượn là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu của bà Lê Thị B là có cơ sở một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị B. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Đ liên đới trả cho bà Lê Thị B 33 (Ba mươiB) chỉ vàng 24k. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị B yêu cầu vợ chồng ông Ch, bà Đ trả cho bàB 9,3 chỉ vàng 24k lãi.

[2.3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận, tuy nhiên do bàB là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả nợ cho bàB nên ông Ch, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, 157, 165, của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ỦyBn Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B.

Buộc ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Đ liên đới trả nợ cho bà Lê Thị B 33 (Ba mươiB) chỉ vàng 24k (vàng nhẫn).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Đ liên đới chịu 8.761.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thiêm